

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/LHST
Ngày : 07/5/2019
Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà : Bà Nguyễn Thị Kim Liên
Các Hội thẩm nhân dân : Ông Đinh Quang Huân
Ông Nguyễn Đức Thành

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Vân Kiều - Cán bộ Toà án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì: Bà Đặng Thị Sơn Cẩm - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019
về việc tranh chấp "Ly Hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
50/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T - sinh năm 1987

Trú tại : Số 11, ngõ 488 đường N, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội.

Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc D - sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hoà.

Chỗ ở trước khi bị bắt: Số 11, ngõ 488, đường N, thị trấn V, huyện T, thành
phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam số 2 Công an thành phố Hà
Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21/10/2018 và bản tự khai ngày 03/4/2019 nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị T và anh D được tự do tìm hiểu và tự nguyện tổ chức lễ cưới. Đến ngày 06/10/2013 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh T. Sau khi cưới vợ chồng chị T và anh D chung sống tại thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do không hợp nhau, mâu thuẫn chị T và anh D ngày càng trầm trọng kéo dài, anh D đi thụ án tại trại giam số 2 Công an thành phố Hà Nội. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Theo chị T khai, chị và anh D có 02 con chung: cháu Nguyễn Bảo A₁ - sinh ngày 01/01/2015, cháu Nguyễn Bảo A₂ sinh ngày 20/8/2018. Hiện nay hai cháu đang ở với chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ : Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 18/6/2019 anh Nguyễn Quốc D trình bày như sau:

Anh Nguyễn Quốc D và chị Phan Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh T. Sau khi tổ chức lễ cưới hai vợ chồng anh chị về chung sống tại thị trấn V. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến cuối năm 2018, anh D bị bắt về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Hiện nay anh D, đi thụ án tại trại giam số 2 Công an thành phố Hà Nội. Nay

chị T có đơn xin ly hôn đối với anh, anh D cũng nhất trí thuận tình ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Bảo A₁ - sinh ngày 01/01/2015 và cháu Nguyễn Bảo A₂ sinh ngày 20/8/2018. Ly hôn, anh D nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung vì hiện nay anh đang thụ án nên không nuôi dưỡng chăm sóc các con.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Vợ chồng anh chị không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng: Hiện nay anh D đang thụ án tại trại giam Số 2 Công an thành phố Hà Nội, nên không thể tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án được. Anh D có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt anh và gửi cho anh kết quả bản án, anh D không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại phiên toà hôm nay :

Chị Phan Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Nguyễn Quốc D. Chị xin được nuôi hai con là cháu Nguyễn Bảo A₁ - sinh ngày 01/01/2015 và cháu Nguyễn Bảo A₂ sinh ngày 20/8/2018. Chị T không yêu cầu D cấp dưỡng nuôi con vì anh D đang đi thụ án.

Về tài sản chung nhà ở và công nợ: vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Quốc D theo quy định của pháp luật, anh D đã có đơn xin xét xử vắng mặt vụ án chị T ly hôn anh, vì anh đang đi thụ án tại trại giam số 2 trại giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án là đúng pháp luật. Xét thấy yêu cầu của chị T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Quốc D.

Về tình cảm: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Quốc D.

Về con: Giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh D được tạm hoãn việc nuôi con chung. Chị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Quốc D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/10/2013 tại Ủy Ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh T. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, tiến bộ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sống tại thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2018 anh D đi thụ án tại trại giam số 2 Công an thành phố. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh D, anh D đồng ý ly hôn. Tại phiên toà hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh D. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T, anh D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nêu yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Quốc D có 02 con chung Nguyễn Bảo A₁ - sinh ngày 01/01/2015 và cháu Nguyễn Bảo A₂ sinh ngày 20/8/2018. Nay anh chị ly hôn, để đảm bảo quyền lợi cho cháu Nguyễn Bảo A₁ và Nguyễn Bảo A₂, căn cứ điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Bảo A₁ và Nguyễn Bảo A₂ cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Chị T và anh H không có, không yêu cầu Toà án xem xét, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271, 272 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T về việc "Ly hôn".

1-Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị T được và anh Nguyễn Quốc D.

2-Về con chung: Giao hai con chung cháu Nguyễn Bảo A₁ - sinh ngày 01/01/2015 và cháu Nguyễn Bảo A₂ sinh ngày 20/8/2018 cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Quốc D có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu.

3-Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Chị T, anh D không có tài sản chung, không đề nghị Toà án xem xét, nên Hội đồng xét xử không xét.

4-Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đồng ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng Tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số No 0008891 ngày 14/6/2019 tại cơ quan Thi hành án T. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5-Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị T có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Quốc D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án .

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Liên